TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 100/2025/DS- PT Ngày: 13/5/2025 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Mai

Ông Nguyễn Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số: 201/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn:*** Bà *Đồng Thị Khánh L*, sinh ngày 18/7/1984; địa chỉ: Số A đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Toà án: Ông Nguyễn Thương T (chồng bà L), sinh năm 1984; địa chỉ: Số A đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền công chứng ngày 08/7/2024. (Bà L vắng mặt, ông T có mặt).

*2. **Bị đơn:*** Ông *Phan Minh H,* sinh ngày 30/8/1979 và bà *Nguyễn Thị Minh D,* sinh ngày 15/4/1980; cùng địa chỉ: Số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện bị đơn tham gia tố tụng tại Toà án: Bà Trương Thị Thu T1, sinh năm 1982, địa chỉ: Số B đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền công chứng ngày 18/02/2025. (Ông H, bà D, bà T1 đều có mặt).

*3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ *Công ty TNHH một thành viên H1*; Địa chỉ: Số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV H1 Các: Bà Nguyễn Thị Minh D, chức vụ: Giám đốc. (Bà D có mặt).

+ *Ngân hàng TMCP Á*; địa chỉ: Số D đường N, Phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số B đường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

4. **Người kháng cáo**:

Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:
Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2024 và trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đồng Thị Khánh L trình bày:*

Vào ngày 05/12/2023, ông Lê Ngọc L1 (cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Á) giới thiệu cho bà Đồng Thị Khánh L khách hàng cần vay tiền đáo hạn Ngân hàng là vợ chồng ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D, lúc đó bà L nói với ông L1 là chỉ làm việc trực tiếp với khách hàng.

Sau đó, bà L đến nhà bà Nguyễn Thị Minh D tại địa chỉ: số H đường N, phường H, quận C để làm việc, trao đổi. Khi bà L tới nhà thì có ông L1 (nhân viên ngân hàng TMCP Á) và bà D đang làm việc trao đổi với nhau về việc ký hồ sơ pháp lý để nộp tiền, giải ngân, đáo hạn. Sau đó, giữa bà L và vợ chồng ông H, bà D trao đổi, bàn bạc về việc vay tiền đáo hạn. Qua trao đổi, bà L đồng ý cho hai vợ chồng ông H, bà D vay số tiền 1.206.000.000đ (Một tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu đồng) và cùng nhau ký xác nhận giấy vay tiền ghi ngày 05/12/2023 với nội dung:

+ Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D vay của bà Đồng Thị Khánh L số tiền: 1.206.000.000đ (Một tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

+ Thời hạn vay: 02 ngày, từ ngày 05/12/2023 đến ngày 06/12/2023;

+ Mục đích vay: Đáo hạn ngân hàng A của Công ty H1

+ Tài sản thế chấp hoặc biện pháp bảo đảm trả nợ là: Nhà, đất tại H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Theo yêu cầu của ông H và bà D, bà L đã chuyển số tiền vay vào tài khoản của Công ty H1, số tài khoản do bà D cung cấp theo giấy đề nghị giải ngân kiêm giấy nhận nợ. Các bên thỏa thuận, sau khi đáo hạn ngân hàng, khi được giải ngân (tức là khi ông H, bà D trả tiền lại cho bà L) thì chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Anh T2 (theo giấy ủy nhiệm chi). Bà Ly đã thực hiện việc chuyển tiền cho ông H, bà D vay vào tài khoản Công ty H1 03 lần với tổng số tiền 1.206.000.000 đồng.

Sau khi chuyển khoản số tiền nêu trên, ông H, bà D không tất toán khoản vay của Công ty H1 tại Ngân hàng TMCP Á cũng không thực hiện cam kết trả nợ như đã thỏa thuận. Phát hiện dấu hiệu bất thường, bà L đã yêu cầu vợ chồng

ông H, bà D trả nợ vay nhưng ông bà không trả mà còn thách thức bà L. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của mình, bà Đồng Thị Khánh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D phải trả cho bà Đồng Thị Khánh L tổng số tiền là: 1.303.471.232đ (Một tỷ ba trăm lẻ ba triệu, bốn trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 1.206.000.000 đồng; Nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2024 là 97.471.232 đồng.

- Buộc ông H bà D phải chịu khoản lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trường hợp ông H, bà D không trả được nợ thì đề nghị Tòa án tuyên bà L có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm mà ông H, bà D thế chấp cho bà L theo giấy vay tiền để thu hồi nợ, tài sản đảm bảo là: Nhà và đất tại địa chỉ số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, thuộc khu đô thị S sông H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, thửa đất số 15, tờ bản đồ: B2-19, diện tích 300m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 411848 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 30/12/2014, số vào sổ cấp GCN: CT 22334; Ngày 16/11/2017 ông H, bà D được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận C chỉnh lý biến động đứng tên trong giấy chứng nhận.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh D, ông Phan Minh H trình bày như sau:*

Ông Phan Minh H, bà Nguyễn Thị Minh D có nhu cầu vay tiền đáo hạn khoản vay của Công ty TNHH MTV H1 Các tại Ngân hàng TMCP Á. Thông qua ông Lê Ngọc L1 là cán bộ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á và là người phụ trách món vay của Công ty H1, đã giới thiệu và dẫn bà Đồng Thị Khánh L đến nhà ông H, bà D tại số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Qua trao đổi, ông H, bà D thống nhất vay bà L số tiền: 1.206.000.000 đồng; mục đích vay: Đáo hạn khoản vay của Công ty TNHH MTV H1 tại Ngân hàng Á (A), thời hạn vay: 02 ngày từ 05/12/2023 đến ngày 06/12/2023.

Thời điểm viết giấy vay tiền ước lượng khoảng thời gian từ 11 đến 12 giờ trưa ngày 05/12/2023. Sau đó, vào lúc 12 giờ 17 phút đến 12 giờ 19 phút, trên app điện thoại của bà D có báo tài khoản của Công ty TNHH MTV H1 Các mở tại Ngân hàng Á phát sinh báo có 03 lần: Lần 1 báo có số tiền 206.000.000 đồng; Lần 2 báo có số tiền: 499.999.999 đồng; Lần 3 báo có số tiền: 499.999.999 đồng. Nội dung báo là "Thanh toán" nhưng không có tên người chuyển tiền.

Khi thấy tin nhắn báo có khớp với số tiền cá nhân ông H, bà D vay của bà L thì biết số tiền này là tiền của bên vay đáo hạn chuyển vào. Tuy nhiên, do tiền chuyển vào tài khoản của Công ty với nội dung "thanh toán" trong khi công ty không giao dịch hợp đồng với ai sẽ ảnh hưởng đến báo cáo thuế, và các hoạt động khác của Công ty TNHH MTV H1. Do đó, ông H, bà D đã liên hệ với ông L1 (cán bộ tín dụng) yêu cầu truy xuất người chuyển tiền, tài khoản chuyển tiền để xử lý lại thông tin nhưng ông L1 trả lời không truy xuất được do chế độ bảo mật. Do đó, bà D với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH

MTV H1 ủy quyền cho ông H làm thủ tục online rút toàn bộ số tiền này từ tài khoản Công ty về tài khoản cá nhân của ông H. Sau đó, ông H lại chuyển toàn bộ số tiền này cho ông L1, với mục đích là trả lại khoản tiền mà nhóm cho vay đáo hạn (trong nhóm cho vay có ông L1) đã chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H1 Các không đúng nội dung, không đúng mục đích, không đúng đối tượng vay.

Món vay của bà Đồng Thị Khánh L là cá nhân ông H, bà D vay, nhưng ông H bà D chưa nhận được khoản tiền nào trực tiếp từ bà L chuyển đến nên ông H và bà D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn phải là Công ty TNHH MTV H1 vì bà L chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản Công ty H1 thì công ty phải chịu trách nhiệm trả, không liên quan đến trách nhiệm của ông H, bà D.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Á trình bày:*

Ngân hàng TMCP Á không có ý kiến gì về số tiền nợ vay giữa bà Đồng Thị Khánh L và ông Phan Minh H, bà Nguyễn Thị Minh D.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thì Ngân hàng không đồng ý vì: Nhà và đất tại thửa đất số 15, tờ bản đồ: B2-19, diện tích 300m^2 địa chỉ tại số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng đã được ông H, bà D thế chấp để đảm bảo các khoản cấp tín dụng của Công ty TNHH MTV H1 Các theo hợp đồng thế chấp số DAN.BĐCN.283.291.122 ngày 06/12/2022. Đến nay, các khoản cấp tín dụng này vẫn còn hiệu lực, đồng thời hợp đồng thế chấp được ký giữa Ngân hàng với ông H, bà D cũng như việc thế chấp tài sản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng Á đề nghị Tòa án chỉ xem xét xử lý tài sản khi Công ty TNHH MTV H1 đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 18/QĐ-SCBSBA ngày 11/10/2024 của Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

I. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Khánh L đối với ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

II. Tuyên xử: Buộc ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D phải có nghĩa vụ trả cho bà Đồng Thị Khánh L tổng số tiền là: 1.303.471.232đ, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 1.206.000.000 đồng.
- Nợ lãi tính từ ngày 07/12/2023 đến ngày 27/9/2024 là: 97.471.232 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

III. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đồng Thị Khánh L đối với bị đơn ông Phan Minh H, bà Nguyễn Thị Minh D về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là: Nhà và đất tại số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, thuộc khu đô thị S sông H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ: B2-19, diện tích 300m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 411848 do Sở T cấp ngày 30/12/2014, số vào sổ cấp GCN: CT 22334 chỉnh lý biến động sang tên ông Phan Minh H, bà Nguyễn Thị Minh D ngày 16/11/2017.

IV. Về án phí:

- Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D phải chịu là: 51.104.136đ án phí dân sự sư thẩm.

- Hoàn trả cho bà Đồng Thị Khánh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.912.723 đồng tại biên lai thu 0001603 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 10/10/2024, bị đơn ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm vì cho rằng: Nguyên đơn bà Đồng Thị Khánh L không cung cấp được chứng cứ đã chuyển tiền cho ông H bà D nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn ông H bà D trả nợ là chưa bảo đảm quyền lợi của phía bị đơn. Theo quy định, tài sản của doanh nghiệp, cụ thể là tài sản của Công ty TNHH MTV H1 Các là độc lập với tài sản của cá nhân ông H bà D nên không thể buộc ông H bà D trả nợ mà không đề cập đến trách nhiệm trả nợ của Công ty TNHH MTV H1 Các nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Công ty TNHH MTV H1 Các cung cấp cho Toà án: Biên bản họp bất thường của Công ty TNHH MTV H1 Các lúc 12h30 ngày 05/12/2023 về việc giải quyết phát sinh chuyển tiền nhầm; Giấy uỷ quyền ngày 05/12/2023 của công ty cho ông Phan Minh Hoàng liên Q đến khoản tiền 1.206.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc chấp hành pháp luật và nội dung giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Do kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Minh H và bà Phan Thị Minh D1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xử sơ thẩm, bị đơn ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D cho rằng trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn phải là Công ty TNHH MTV H1 chứ không phải cá nhân của ông H bà D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét mối quan hệ của hợp đồng vay: Theo Giấy vay tiền ngày 05/12/2023 thể hiện nội dung chính là: Bên cho vay- bà Đồng Thị Khánh L, Bên vay - ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D; số tiền vay: 1.206.000.000 đồng; thời hạn vay: 02 ngày (từ ngày 05/12/2023 đến ngày 06/12/2023); mục đích vay: Đáo hạn Ngân hàng A của Công ty TNHH MTV H1; cùng với các nội dung khác. Thực hiện giao dịch vay, trưa cùng ngày 05/12/2023, bà Đồng Thị Khánh L đã chuyển 03 lần vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H1 Các mở tại Ngân hàng TMCP Á với số tiền tổng cộng là 1.206.000.000 đồng. Như vậy, quan hệ vay mượn theo Giấy vay tiền ngày 05/12/2023 của các bên đã được xác lập.

[2.2] Xét trách nhiệm trả nợ thì thấy: Sau khi tài khoản Công ty TNHH MTV H1 Các phát sinh báo có với tổng số tiền 1.206.000.000 đồng, ông H đã làm thủ tục rút toàn bộ số tiền này vào tài khoản số 197939666888 của ông H mở tại Ngân hàng TMCP C (V). Khi rút tiền về tài khoản cá nhân, ông H ghi nội dung *"Tra tien chuyen nham ngay 5 thang 12 năm 2023"*. Sau đó, ông H chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản số 1024833387 của Lê Ngọc L1 tại Ngân hàng V1 nội dung *"PHAN MINH HOANG chuyen tien"* và cho rằng chuyển cho ông L1 (cán bộ tín dụng của Ngân hàng Á) là để trả tiền lại cho người cho vay. Tuy nhiên, theo tài liệu có trong hồ sơ do bị đơn cung cấp thể hiện, ông Lê Ngọc L1 có trao đổi qua tin nhắn zalo với ông H, các nội dung trao đổi, nhắn tin, không có nội dung nào thể hiện ý chí của ông H, bà D về việc chuyển số tiền này vào tài khoản của ông L1 với mục đích là để trả lại cho bên cho vay. Như vậy, số tiền bà L cho vay 1.206.000.000đ cũng đã vào tài khoản của ông Phan Minh H. Mặt khác, Công ty TNHH MTV H1 cũng do chính bà Nguyễn Thị Minh D (chồng của ông Phan Minh H) làm chủ sở hữu, là Giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty nên việc xử lý số tiền 1.206.000.000đồng là trách nhiệm của bà D ông H. Do đó, bản án sơ thẩm buộc

bà Nguyễn Thị Minh D và chồng là ông Phan Minh H phải trả số tiền nợ vay gốc 1.206.000.000đ và lãi phát sinh cho bà Đồng Thị Khánh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Việc ông Phan Minh H chuyển tiền cho ông Lê Ngọc L1 (nay đã chết) là việc cá nhân của ông H, ông H có thể khởi kiện các đồng thừa kế của ông L1 trong một vụ án khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Mặt khác, Công ty TNHH MTV H1 đã xử lý số tiền 1.206.000.000đ bằng cách chuyển qua tài khoản của ông Phan Minh H với nội dung "Trả tiền chuyển nhầm", điều đó cho thấy Công ty đã xác định không phải chủ thể nhận số tiền 1.206.000.000đ nên bị đơn kháng cáo yêu cầu phải buộc Công ty TNHH MTV H1 Các có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[3] Toà án cấp phúc thẩm cũng đã xác minh, làm rõ tài khoản của ông Lê Ngọc L1 nhưng không có tình tiết mới làm thay đổi Bản án sơ thẩm nên Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D. Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Minh D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông H, bà D đã nộp tại Biên lai thu số 0001968 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông H và bà D đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Chi cụcTHADS quận Cẩm Lệ, ĐN;
- TAND quận Cẩm Lệ, ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo